

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1521 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 21 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Khai thác khoáng sản sét gạch ngói tại khu vực Đồng Síp, xã Đức Tín,
huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường
chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn
thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan
trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản sét gạch ngói tại khu vực
Đồng Síp, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tại cuộc họp vào ngày
13 tháng 4 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Tín;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai
thác khoáng sản sét gạch ngói tại khu vực Đồng Síp, xã Đức Tín, huyện Đức
Linh, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải
trình tại văn bản số 26/Ttr-ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Công ty Trách
nhiệm hữu hạn Xăng dầu Đức Tín;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 250/TTr-STNMT ngày 11 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản sét gạch ngói (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xăng dầu Đức Tín (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại khu vực Đồng Síp, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh – Phan Văn Đăng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Quỹ Bảo vệ môi trường Bình Thuận;
- UBND huyện Đức Linh;
- UBND xã Đức Tín;
- Công ty TNHH Xăng dầu Đức Tín;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


 Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận
 Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận
 Ngày ký: 21.06.2021
 08:08:57 +07:00

Phan Văn Đăng

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 1521 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản sét gạch ngói.
- Chủ dự án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xăng dầu Đức Tín.
- Địa chỉ liên hệ: Khu vực Đồng Síp, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.
- Người đại diện: Ông Bùi Ngọc Bình Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ liên lạc: Thôn 6, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.
- Điện thoại: 0918654447.
- Mục tiêu của dự án: Khai thác sét phục vụ cho nhà máy gạch hoffman của các doanh nghiệp tại địa phương, sử dụng sét làm gạch ngói xây dựng cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh; tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương và nguồn thu ngân sách cho huyện Đức Linh nói riêng và tỉnh Bình Thuận nói chung,....
- Phạm vi, quy mô: Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 15,0 ha, có tọa độ như sau:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 Bình Thuận (Kinh tuyến trực 108° 30 phút, múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	1.236.737	388.192
2	1.236.718	388.324
3	1.236.510	388.549
4	1.236.302	388.472
5	1.236.222	388.606
6	1.236.139	388.527
7	1.236.247	388.225
Diện tích: 15,0 ha		

- Công suất khai thác sét gạch ngói: 20.000 m³/năm (nguyên khối), tương đương 25.800 m³/năm (nguyên khai, hệ số nở rời là 1,29).

- Công nghệ khai thác: Áp dụng công nghệ khai thác mở lộ thiên, hệ thống khai thác khâu theo lớp bằng với trình tự khai thác từ trên xuống dưới, thực hiện bóc tầng phủ, mở vỉa, xúc bốc lên xe ô tô và vận chuyển ra khỏi

khai trường về bãi chứa các nhà máy gạch hoffman tại địa phương để sản xuất gạch ngói.

- Công trình chính của dự án: Khai trường có diện tích 15,0 ha; bãi thải tạm nằm trong diện tích khai trường.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Các tác động môi trường chính của dự án bao gồm tác động từ nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, khí thải, bụi phát sinh từ hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

Do đặc thù của dự án không sử dụng nước phục vụ việc khai thác sét ngói nên không có phát sinh nước thải sản xuất. Đối với lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành là 0,04 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa các thành phần hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng từ hoạt động san gạt, mở vỉa, phát quang, bóc phủ, xúc bốc khoáng sản khu vực khai trường, duy tu, sửa chữa đường vận chuyển,... chứa các thành phần ô nhiễm chủ yếu: Bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

Khối lượng sinh khối phát sinh trong giai đoạn xây dựng là 1,24 tấn; khối lượng sinh khối phát sinh trong giai đoạn vận hành là 97,44 tấn và thành phần chủ yếu thân cây, cành cây, lá, thảm thực vật,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành khoảng 6,0 kg/tháng; thành phần chủ yếu là dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải, chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại,...

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành khoảng 0,5 kg/ngày với các thành phần chủ yếu: Chất thải hữu cơ, chất thải vô cơ phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

Dự án không có công trình xử lý nước thải để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu nước thải phát sinh trong giai đoạn

xây dựng, giai đoạn vận hành chủ yếu như sau: Nước thải sinh hoạt được thu gom, lưu chứa và xử lý bằng bể tự hoại, đặt trong nhà vệ sinh tại văn phòng làm việc Công ty; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo định kỳ tối thiểu 06 tháng 01 lần.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Dự án không có công trình xử lý bụi, khí thải để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành chủ yếu như sau:

- Khai thác đến đâu mới tiến hành bóc bỏ thảm thực vật đến đó, giữ nguyên hiện trạng mỏ tại khu vực chưa khai thác đến; khi mới bắt đầu đi vào khai thác, phải tiến hành trồng cây keo lai giâm hom trên đai bảo vệ, bờ hồ theo hình thức so le, mật độ cây trồng cây cách cây 2,0 m.

- Khối lượng đất phủ sau khi khai thác sét đến độ sâu thiết kế phải tiến hành xúc chuyển trực tiếp xuống đáy moong đã khai thác, đắp bờ bao quanh mỏ để ngăn nước chảy vào moong khai thác và thực hiện theo hình thức cuốn chiếu.

- Thường xuyên duy tu, nâng cấp, sửa chữa tuyến đường vận chuyển khoáng sản từ mỏ ra đến đường nhựa dài 3.120 m và tuyến đường từ ranh mỏ đến các nhà máy gạch dài 2.000 m trong quá trình sử dụng, duy tu bảo dưỡng hàng năm.

- Phủ bạt phủ kín toàn thân xe, tránh để bụi bay hoặc rơi vãi trên đường vận chuyển; xe vận chuyển khoáng sản ra khỏi dự án phải chở đúng số khối quy định; chủ dự án có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các xe vận chuyển tại trạm cân trước khi xe chở vật liệu ra khỏi mỏ.

- Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, tránh vận chuyển vào các giờ cao điểm như giờ đi làm, giờ tan sở của người dân, cụ thể không bố trí lịch vận chuyển vào 04 mốc thời gian sau trong 01 ngày: từ 6 giờ 00 phút đến 7 giờ 00 phút, từ 10 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, từ 12 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút chiều và 17 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút. Hạn chế việc vận chuyển khoáng sản vào các ngày cuối tuần để tránh ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của các khu dân cư khu vực xung quanh dọc tuyến đường vận chuyển, xe vận chuyển lần lượt từng chuyến, tránh tập trung vào một nơi tại cùng một thời điểm gây tắc nghẽn đường giao thông.

- Thường xuyên tổ chức tưới nước làm ẩm đường vận chuyển khoáng sản từ mỏ ra đường nhựa với tần suất tưới tối thiểu 04 lần/ngày để hạn chế bụi phát tán ra môi trường. Bố trí công nhân quét dọn các tuyến đường vận chuyển khi có rơi vãi đất, sét,... không gây mất mỹ quan gây ảnh hưởng đến đời sống người dân.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân lao động tại công trường.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Dự án không có công trình xử lý chất thải rắn thông thường. Chủ dự án thực hiện các biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chủ yếu như sau: Khối lượng sinh khối thu được từ quá trình phát quang được Chủ dự án bàn giao cho các hộ dân trong khu vực tận dụng làm củi đốt, phần tận dụng được (chủ yếu là cây cao su) được bán cho các đơn vị thu mua và phần còn lại không sử dụng được tập kết, tiến hành đốt bỏ. Quá trình đốt diễn ra trong ngày ít gió, luôn bố trí công nhân giám sát và chuẩn bị đầy đủ nước chữa cháy để tránh hỏa hoạn lây lan ra khu vực lân cận.

3.4. Các công trình biện pháp thu gom, xử lý, quản lý chất thải nguy hại:

Dự án không có công trình xử lý chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, với các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, trong đó: Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định; ký hợp đồng chuyển giao chất thải nguy hại với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc Giấy phép quản lý chất thải nguy hại phù hợp; đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định,...

3.5. Biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:

Chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, lưu chứa tạm thời trong các thùng rác có dung tích 20-50 lít và hợp đồng với đơn vị dịch vụ môi trường của địa phương định kỳ vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

Chủ dự án có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, rung như: Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị nhằm hạn chế tiếng ồn do phương tiện thi công tạo ra theo đúng tiêu chuẩn môi trường quy định; không sử dụng các máy móc, phương tiện quá cũ gây ồn lớn vượt quá mức tiêu chuẩn cho phép và có biện pháp quản lý và xử lý kịp thời,...

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động trượt lở bờ moong, giải pháp phòng chống sạt lở tại khu vực khai thác như: Tiến hành khai thác góc dốc bờ moong phải nhỏ hơn góc dốc an toàn cho phép; các thông số của hệ thống khai thác được lựa chọn đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai thác và yếu tố an toàn bảo vệ bờ mỏ theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên. Trong suốt quá trình

khai thác, phải thường xuyên cải tạo bờ mỏ đúng theo thiết kế đảm bảo an toàn, tránh sự cố sạt lở bờ moong. Khai thác đến đâu mới tiến hành bóc bỏ thực vật đến đó để giữ nguyên hiện trạng tại diện tích chưa khai thác đến. Trồng cây xung quanh khu vực moong khai thác để gia cố, củng cố bờ moong, hạn chế sạt lở ảnh hưởng đến quá trình khai thác và đất xung quanh dự án,...

- Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; lắp đặt thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường; thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật; có biện pháp loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường.

- Khi gây ra sự cố môi trường, Chủ dự án phải thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố. Chủ dự án có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường gây ra được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường hiện hành và quy định của pháp luật có liên quan.

3.8. Cải tạo phục hồi môi trường:

3.8.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

Đáy moong sau khi kết thúc khai thác để lại làm hồ nuôi trồng thủy sản, cụ thể:

a) Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 1: Thực hiện thực hiện từ năm đầu đến khi kết thúc khai thác. Thực hiện theo từng giai đoạn của khai thác, theo hình thức cuốn chiếu. Các công việc bao gồm:

- Gia cố bờ moong và vách moong khai thác: Khai thác tới đâu gia cố tới đó theo hình thức cuốn chiếu (cải tạo góc nghiêng bờ kết thúc bằng góc ổn định tự nhiên của đất, cát trung bình là $34^{\circ}24'$ nhằm tránh sạt lở).

- Lắp đặt biển báo xung quanh bờ moong khu vực khai thác.

- Lắp đặt hàng rào kẽm gai xung quanh moong khai thác.

- Trồng cây xanh (cây keo lai giâm hom) xung quanh mỗi bờ moong khai thác.

- Đắp bờ bao quanh khu vực khai thác.

- Duy tu, cải tạo tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ.

b) Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 2: Tiến hành ngay khi kết thúc khai thác và hoàn tất sau khi Giấy phép khai thác hết

hạn (hoàn thành trong vòng 02 tháng sau khi kết thúc khai thác). Các hạng mục thực hiện trong thời gian này gồm:

- Đặt công thoát nước.
- Quan trắc môi trường giai đoạn cải tạo.

3.8.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 1.524.918.728 đồng (Một tỷ, năm trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm mười tám ngàn, bảy trăm hai mươi tám đồng).

- Số lần thực hiện ký quỹ: 15 lần.
 - + Số tiền ký quỹ lần đầu: 304.983.746 đồng.
 - + Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo (14 lần): 87.138.213 đồng.
 - Thời điểm thực hiện ký quỹ:
 - + Lần 1: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.
 - + Những lần tiếp theo: Trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.
 - Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Thuận.
- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án: Không có.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản mở:

Giám sát chất thải rắn: Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.2. Vận hành thử nghiệm

Dự án không có công trình, thiết bị xử lý chất thải nên không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

5.3. Vận hành thương mại

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát:
 - + 01 điểm các khu vực moong đang khai thác 500 m theo hướng gió.

+ 01 điểm trên tuyến đường vận chuyển.

- Thông số giám sát:

+ Khu vực moong đang khai thác 500 m theo hướng gió: Bụi, tiếng ồn, vi khí hậu.

+ Trên tuyến đường vận chuyển: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

- Tần suất giám sát: Thực hiện 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếp xúc tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

b) Giám sát chất thải rắn

- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Nhật ký quản lý chất thải rắn của dự án được lưu giữ định kỳ và báo cáo với cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

c) Giám sát khác

- Giám sát các công tác về phòng tránh sự cố môi trường tại mỏ để ứng phó kịp thời: Kiểm tra các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, thiết bị thoát nước mỏ, các biển báo khu vực quanh mỏ để kịp thời bổ sung, đảm bảo an toàn trên tuyến đường vận chuyển... Tần suất thực hiện: thường xuyên hằng ngày.

- Giám sát thoát nước mỏ: Bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra việc vận hành, bơm thoát nước trong mỏ, đặc biệt là mùa mưa nhằm kịp thời giải quyết ngập lụt, gây sạt lở bờ moong, sạt lở đất,... làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người dân có đất lân cận dự án. Tần suất thực hiện: thường xuyên.

- Giám sát xói mòn, sạt lở: Bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra sạt lở bờ moong, sạt lở đất,... làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người dân có đất lân cận dự án. Tần suất tiên hành thực hiện công tác trắc địa bờ

moong để có cơ sở xác định thông số dịch chuyển đất và dự báo nguy cơ sụt lở bờ moong toàn dự án: Thực hiện 06 tháng/lần.

- Giám sát nước thải sinh hoạt: Thuê đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ môi trường địa phương đến hút hầm và mang chất thải đi xử lý theo quy định; kiểm tra tình trạng làm việc của nhà vệ sinh: đường ống, rò rỉ,... Tần suất thực hiện: Tối thiểu 06 tháng/lần.

5.4. Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ:

- Chủ dự án tổ chức thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý kết quả giám sát, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định; lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Chủ dự án sau khi đã hoàn thành từng phần nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án được phê duyệt phải lập hồ sơ hoàn thành từng phần phương án đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành. Việc xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt được thực hiện lồng ghép với đề án đóng cửa mỏ. Thực hiện báo cáo công tác cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

6.2. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ, công nhân viên tham gia xây dựng, vận hành Dự án; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường; duy tu đường vận chuyển định kỳ và thường xuyên kiểm tra để có kế hoạch xử lý, ứng phó tức thời nhằm hạn chế tối đa tác động phát sinh đến giao thông tại địa phương,...

6.3. Thực hiện biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến đời sống, kinh tế, xã hội như: Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và lực lượng dân quân để quản lý công nhân, đảm bảo tốt an ninh trật tự trong khu

vực; nghiêm cấm công nhân uống rượu, đánh bài, để xảy ra các tệ nạn... tại khu vực mỏ; xây dựng nội quy sinh hoạt đầy đủ, rõ ràng và tổ chức quản lý công nhân; chấp hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, sàng tuyển theo quy định tại Điều 5 Luật khoáng sản năm 2010.

6.4. Thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp để kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải ở các khâu tiếp nhận, lưu giữ và xử lý, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động của Dự án.

6.5 Thực hiện các biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ do các cơ quan chức năng quy định./.